UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1426 /QĐ-SNNMT	*Điện Biên, ngày 31 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế quản lý chỉ dẫn địa lý "Tủa Chùa" cho sản phẩm chè Shan tuyết Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Bộ luật dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh Bảo hiểm, Luật sở hữu trí tuệ ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ ngày 16 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Quy chế số 2222/QCPH-BKHCN-BNNPTNT-BCT ký ngày 08/8/2018 phối hợp giữa Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Bộ Công thương về xây dựng và quản lý chỉ dẫn địa lý;

Căn cứ Quyết định số 51/2025/QĐ-UBND ngày 31/8/2025 của UBND tỉnh Điện Biên Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Quyết định số 702/QĐ-SHTT ngày 06/11/2025 của Cục Sở hữu trí tuệ về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý;

Căn cứ quyết định số 1851/QĐ-UBND ngày 18/8/2025 của UBND tỉnh Điện Biên phê duyệt bản đồ vùng chỉ dẫn địa lý "Mường Ảng", "Tủa Chùa" và Uỷ quyền cho Sở Nông nghiệp và Môi trường làm chủ đơn đăng ký, quản lý chỉ dẫn địa lý đối với sản phẩm Cà phê Mường Ảng, tỉnh Điện Biên; Chè Shan tuyết Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Nông nghiệp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý chỉ dẫn địa lý "Tủa Chùa" cho sản phẩm chè Shan tuyết Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Chi cục trưởng Chi cục Nông nghiệp và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu tránh nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh (B/c);
- Cục Sở hữu trí tuệ (B/c);
- Các sở: Khoa học và Công nghệ, Công Thương (P/h);
- Giám đốc Sở (B/c);
- Như Điều 3;
- UBND các xã: Sính Phình, Sín Chải;
- Lưu: VT, CCNN.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Chu Thị Thanh Xuân

UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ
Quản lý chỉ dẫn địa lý "Tủa Chùa" cho sản phẩm chè Shan tuyết Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SNNMT ngày /12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Điện Biên)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Quy chế này quy định về quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý "Tủa Chùa" cho sản phẩm chè Shan tuyết Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên đã được đăng ký chỉ dẫn địa lý. Những nội dung về quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý không nêu trong quy chế này thì áp dụng theo pháp luật hiện hành;

2. Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân (sau đây gọi chung là chủ thể) trong và ngoài nước có các hoạt động liên quan đến sử dụng chỉ dẫn địa lý "Tủa Chùa" cho sản phẩm chè Shan tuyết Tủa Chùa.

Điều 2. Mục tiêu quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý

1. Đảm bảo quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý hợp pháp cho các chủ thể đủ điều kiện sử dụng; ngăn chặn và xử lý các hành vi sử dụng trái phép chỉ dẫn địa lý "Tủa Chùa" cho sản phẩm chè Shan tuyết Tủa Chùa;

2. Đảm bảo sản phẩm chè Shan tuyết mang chỉ dẫn địa lý "Tủa Chùa" đáp ứng các điều kiện quy định về tính chất, chất lượng đặc thù, xuất xứ nhằm duy trì danh tiếng, uy tín của sản phẩm; giữ gìn và phát triển chỉ dẫn địa lý "Tủa Chùa" cho sản phẩm chè Shan tuyết, hỗ trợ các chủ thể sản xuất, kinh doanh sản phẩm chè Shan tuyết trong vùng địa lý nâng cao hiệu quả, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường; đồng thời, đảm bảo cho người tiêu dùng được sử dụng sản phẩm đáp ứng yêu cầu về chất lượng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chỉ dẫn địa lý (CDĐL): Là dấu hiệu dùng để chỉ nguồn gốc địa lý của sản phẩm từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hoặc quốc gia cụ thể.

2. Chỉ dẫn địa lý "Tủa Chùa" dùng cho sản phẩm chè Shan tuyết Tủa Chùa: Là dấu hiệu dùng để chỉ nguồn gốc địa lý chè Shan tuyết Tủa Chùa từ các xã Sính Phình và Sín Chải trong tỉnh Điện Biên, có danh tiếng, chất lượng đặc thù do điều kiện tự nhiên và kinh nghiệm trồng của người dân quyết định, được thể hiện tại Văn bằng bảo hộ chỉ dẫn địa lý do Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ cấp. Chỉ dẫn địa lý chè Shan tuyết Tủa Chùa được Nhà nước bảo hộ vô thời hạn trên toàn lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Ghi nhận sử dụng chỉ dẫn địa lý: là hoạt động do tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý ghi nhận tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm chè Shan tuyết có nguồn gốc từ các xã Sính Phình và Sín Chải, đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ về chỉ dẫn địa lý và Quy chế này;

4. Tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý: là tổ chức được nhà nước trao quyền thực hiện các biện pháp để quản lý việc sử dụng chỉ dẫn địa lý của các tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý nhằm đảm bảo sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn về tính chất, chất lượng đặc thù, danh tiếng phù hợp với bản mô tả tính chất đặc thù của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý;

5. Sử dụng chỉ dẫn địa lý: là Quyền của các tổ chức, cá nhân đủ điều kiện được sử dụng chỉ dẫn địa lý như: (i) Gắn chỉ dẫn địa lý "Tủa Chùa" lên bao bì hàng hóa, phương tiện kinh doanh, giấy tờ giao dịch trong hoạt động kinh doanh sản phẩm chè Shan tuyết Tủa Chùa; (ii) Lưu thông, chào bán, quảng cáo nhằm để bán sản phẩm chè Shan tuyết Tủa Chùa mang chỉ dẫn địa lý "Tủa Chùa";

6. Lô gô (biểu tượng) chỉ dẫn địa lý "Tủa Chùa" dùng cho sản phẩm chè Shan tuyết: là phần hình và phần chữ (quy định tại Phụ lục I của Quy chế này);

7. Thu hồi sản phẩm: là áp dụng các biện pháp nhằm đưa sản phẩm không đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm ra khỏi chuỗi sản xuất, phân phối sản phẩm;

8. Kiểm soát chỉ dẫn địa lý: là các hoạt động kiểm soát mang tính chuyên biệt theo quy định của luật sở hữu trí tuệ về chỉ dẫn địa lý và quy định tại Quy chế này, không bao gồm các hoạt động kiểm tra của các ngành, lĩnh vực liên quan như an toàn thực phẩm, quản lý thị trường, mã số vùng trồng, mã cơ sở đóng gói, hợp chuẩn, hợp quy…;

9. Sản phẩm chè Shan tuyết Tủa Chùa: là các sản phẩm được liệt kê tại phụ lục III kèm theo quy chế này;

10. Sản xuất, kinh doanh: là tất cả các hoạt động sản xuất, kinh doanh và các hoạt đông thương mại khác.

Điều 4. Khu vực địa lý đăng ký chỉ dẫn địa lý

Khu vực địa lý đăng ký chỉ dẫn địa lý: là vùng sản xuất sản phẩm chè Shan tuyết thuộc các xã Sính Phình và Sín Chải của tỉnh Điện Biên với những điều kiện địa lý đặc thù quyết định đến danh tiếng, chất lượng đặc thù của sản phẩm chè

Shan tuyết mang chỉ dẫn địa lý. Khu vực địa lý đăng ký chỉ dẫn địa lý được thể hiện trong bản đồ khu vực địa lý tại Phụ lục II Quy chế này.

CHƯƠNG II
ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC SỬ DỤNG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ

Điều 5. Điều kiện được sử dụng chỉ dẫn địa lý

1. Tổ chức, cá nhân được sử dụng chỉ dẫn địa lý khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm chè Shan tuyết có xuất xứ từ các xã Sính Phình, Sín Chải, tỉnh Điện Biên theo điều 4 của quy chế này;

b) Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với hoạt động kinh doanh sản phẩm chè Shan tuyết trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

c) Được tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý ghi nhận quyền sử dụng bằng thông báo ghi nhận;

d) Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo khoản 2 Điều 7 Quy chế này;

2. Tổ chức, cá nhân không được sử dụng chỉ dẫn địa lý khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Có hành vi vi phạm pháp luật;

b) Đang trong quá trình bị các cơ quan có thẩm quyền giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo về các hành vi vi phạm pháp luật, gây ô nhiễm môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm và các hành vi khác liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý "Tủa Chùa" cho sản phẩm chè Shan tuyết;

c) Không tuân thủ các quy định theo khoản 1 điều này.

Điều 6. Điều kiện để sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý

1. Sản phẩm đáp ứng các tính chất, chất lượng đặc thù của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý được quy định tại Phụ lục III Quy chế này.

2. Sản phẩm được sản xuất trong khu vực địa lý theo quy định tại Điều 4 Quy chế này.

3. Sản phẩm được sản xuất và bảo quản theo hướng dẫn kỹ thuật được quy định tại Phụ lục IV Quy chế này.

Điều 7. Quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý

1. Tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý có quyền

a) Gắn chỉ dẫn địa lý lên sản phẩm, bao bì sản phẩm, phương tiện kinh doanh, giấy tờ giao dịch cho các sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý do mình sản xuất, kinh doanh;

b) Khai thác và thụ hưởng các lợi ích phát sinh từ việc sử dụng chỉ dẫn địa lý;

c) Sử dụng chỉ dẫn địa lý có thể kèm với nhãn hiệu riêng của mình cho các sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý;

d) Được tham gia các chương trình quảng bá, phát triển chỉ dẫn địa lý do tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý tổ chức hoặc phối hợp với các cơ quan khác tổ chức.

2. Tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý có trách nhiệm

a) Chuẩn bị hồ sơ gửi cho tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý để được ghi nhận vào danh sách tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý như thông tin đã công bố;

b) Thực hiện việc công bố, cam kết duy trì tính chất, chất lượng đặc thù, danh tiếng sản phẩm đáp ứng tiêu chí của chỉ dẫn địa lý như thông tin đã công bố;

c) Báo cáo tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý về tình hình sử dụng chỉ dẫn địa lý theo định kỳ hàng năm và đột xuất;

d) Tuân thủ theo hướng dẫn kỹ thuật canh tác và bảo quản theo quy định tại Phụ lục IV Quy chế này;

e) Nộp các khoản phí liên quan đến việc sử dụng, quản lý, khai thác chỉ dẫn địa lý theo quy định;

f) Thông báo, báo cáo tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý để đưa ra khỏi danh sách ghi nhận sử dụng chỉ dẫn địa lý;

g) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ được quy định tại Quy chế này và các quy định khác có liên quan nhằm duy trì, bảo vệ, nâng cao uy tín của chỉ dẫn địa lý.

CHƯƠNG III
TỔ CHỨC QUẢN LÝ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ

Điều 8. Tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Điện Biên là tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý "Tủa Chùa" cho sản phẩm chè Shan tuyết. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Điện Biên có các quyền và trách nhiệm của tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý theo quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ để quản lý chỉ dẫn địa lý.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Điện Biên chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương, Ủy ban nhân các xã Sính Phình và Sín Chải trong việc quản lý chỉ dẫn địa lý.

Điều 9. Quyền và trách nhiệm của tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý

1. Tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý có các quyền sau

a) Ghi nhận, quản lý, kiểm soát việc sử dụng chỉ dẫn địa lý theo các quy định tại Quy chế này và các văn bản khác do tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý ban hành;

b) Thu các khoản phí sử dụng chỉ dẫn địa lý theo quy định;

c) Xử lý hoặc đề xuất các cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi xâm phạm việc sử dụng chỉ dẫn địa lý được quy định tại quy chế này và các văn bản khác do tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý ban hành;

d) Yêu cầu các cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ khi phát hiện hành vi xâm phạm quyền đối với chỉ dẫn địa lý để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân được sử dụng chỉ dẫn địa lý;

e) Các quyền khác của tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

2. Tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý có trách nhiệm

a) Ban hành quy chế quản lý chỉ dẫn địa lý theo các quy định;

b) Phân công cơ quan chuyên môn thực thuộc theo chức năng, nhiệm vụ tham mưu quản lý chỉ dẫn địa lý "Tủa Chùa" cho sản phẩm chè Shan tuyết;

c) Kiểm tra, ghi nhận tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý theo quy định;

d) Chi đúng, chi đủ các khoản phí về việc sử dụng, quản lý, khai thác chỉ dẫn địa lý theo quy định;

đ) Thông báo công khai, minh bạch tất cả các văn bản quản lý và các thông tin liên quan đến chỉ dẫn địa lý;

e) Quản lý, kiểm soát việc sử dụng chỉ dẫn địa lý theo đúng quy định của Quy chế này, các văn bản khác do tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý ban hành và quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ;

f) Xử lý các hành vi vi phạm việc sử dụng chỉ dẫn địa lý được quy định tại Quy chế này và các văn bản khác do tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý ban hành;

g) Đề xuất, kiến nghị, phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm quy định về sử dụng chỉ dẫn địa lý;

h) Các trách nhiệm khác của tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý theo quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ;

i) Báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp (Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Điện Biên) về tình hình quản lý chỉ dẫn địa lý theo định kỳ hai năm một lần;

k) Theo định kỳ, hàng năm sắp xếp kinh phí cho hoạt động quản lý chỉ dẫn địa lý.

CHƯƠNG IV
GHI NHẬN VÀ QUẢN LÝ VIỆC SỬ DỤNG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ

Điều 10. Hồ sơ ghi nhận tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý

1. Hồ sơ đề nghị bao gồm

a) Đơn đề nghị ghi nhận sử dụng chỉ dẫn địa lý;

b) Hồ sơ chứng minh, tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý trong khu vực địa lý tương ứng với chỉ dẫn địa lý (nếu có, gồm các hồ sơ, tài liệu xác nhận về vùng sản xuất, giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm, giấy chứng nhận thực hành sản xuất nông nghiệp tốt hoặc các tài liệu có giá trị tương đương);

c) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nếu là tổ chức hoặc người kinh doanh);

d) Bản sao Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân (nếu là cá nhân);

e) Tiêu chuẩn công bố chất lượng và phiếu kiểm nghiệm còn hiệu lực trong thời hạn 12 tháng do đơn vị kiểm nghiệm có đủ chức năng cấp theo quy định (nếu có);

f) Mẫu bao bì, nhãn mác hiện đang sử dụng (nếu có);

g) Bản cam kết sử dụng chỉ dẫn địa lý;

h) Bản tự công bố nguồn gốc, chất lượng sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn chỉ dẫn địa lý chè Shan tuyết Tủa Chùa;

2. Hồ sơ được xem là hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Đủ số lượng theo quy định: 01 bộ;

b) Có đầy đủ các thành phần tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này;

Điều 11. Trình tự tiếp nhận hồ sơ và ghi nhận

Tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý có trách nhiệm xem xét, đánh giá ghi nhận theo trình tự sau:

1. Tiếp nhận hồ sơ của người đề nghị

2. Kiểm tra hồ sơ, vào sổ tiếp nhận và viết phiếu hẹn thông báo kết quả ghi nhận. Trong trường hợp không hợp lệ, người tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn để người đề nghị hoàn thiện.

3. Nôi dung kiểm tra, đánh giá hồ sơ đáp ứng theo yêu cầu được quy định tại Điều 10 quy định này. Nếu không đáp ứng đại diện tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý yêu cầu bổ sung đầy đủ theo quy định.

4. Thông báo ghi nhận sử dụng chỉ dẫn địa lý

a) Thẩm định hồ sơ đề nghị ghi nhận;

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường phát hành thông báo ghi nhận tổ chức, cá nhân đủ điều kiện vào danh sách tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý. Ngoài ra, tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý thực hiện việc đăng tải thông tin ghi nhận về tổ chức, cá nhân được sử dụng chỉ dẫn địa lý trên trang thông tin.

Điều 12. Công khai thông tin ghi nhận sử dụng chỉ dẫn địa lý

Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm công khai thông tin ghi nhận sử dụng chỉ dẫn địa lý theo quy định sau:

1. Nội dung công khai bao gồm các thông tin sau:

a) Tên, địa chỉ của tổ chức hoặc cá nhân được sử dụng chỉ dẫn địa lý;

b) Danh mục sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý;

2. Phương thức công khai: Cổng thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Môi trường, đồng thời thông báo đến Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công thương, Ủy ban nhân dân các xã Sính Phình và Sín Chải,…các cơ quan thông tấn, báo chí nhằm phối hợp trong việc quản lý, khai thác và bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho các tổ chức, cá nhân được ghi nhận sử dụng chỉ dẫn địa lý.

Điều 13. Ghi nhận lại/ghi nhận sửa đổi, bổ sung sử dụng chỉ dẫn địa lý

1. Tổ chức, cá nhân được ghi nhận sử dụng chỉ dẫn địa lý có quyền đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường ghi nhận việc thay đổi thông tin trong thông báo ghi nhận sử dụng chỉ dẫn địa lý như: tên, địa chỉ, diện tích canh tác, sản lượng sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý.

2. Tổ chức, cá nhân được ghi nhận sử dụng chỉ dẫn địa lý có quyền đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường ghi nhận sửa đổi, bổ sung sử dụng chỉ dẫn địa lý trong các trường hợp thông báo ghi nhận bị mờ, hoen ố, hư hỏng, thất lạc hoặc sai sót, thiếu sót trong quá trình in ấn.

3. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh ghi nhận lại/ghi nhận sửa đổi, bổ sung sử dụng chỉ dẫn địa lý bao gồm:

a) Đơn đề nghị ghi nhận lại/ghi nhận sửa đổi, bổ sung sử dụng chỉ dẫn địa lý theo mẫu;

b) Hồ sơ, tài liệu thay đổi thông tin của tổ chức, cá nhân;

c) Thông báo đã được ghi nhận sử dụng chỉ dẫn địa lý cũ.

Điều 14. Xóa tên ghi nhận sử dụng chỉ dẫn địa lý

1. Tổ chức, cá nhân đã được ghi nhận sử dụng chỉ dẫn địa lý bị xóa tên trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý không còn đáp ứng điều kiện để được sử dụng chỉ dẫn địa lý theo Điều 5 Quy chế này;

b) Tổ chức, cá nhân được sử dụng chỉ dẫn địa lý không còn có nhu cầu tiếp tục sử dụng chỉ dẫn địa lý và có thông báo cho tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý;

c) Tổ chức, cá nhân được sử dụng chỉ dẫn địa lý không còn tồn tại hoặc không còn hoạt động sản xuất kinh doanh mà không có người kế thừa hợp pháp;

d) Tổ chức, cá nhân đã được ghi nhận sử dụng chỉ dẫn địa lý nhưng không tiến hành sử dụng chỉ dẫn địa lý liên tục từ 02 (hai) năm trở lên;

e) Tổ chức, cá nhân được ghi nhận sử dụng chỉ dẫn địa lý có các hành vi vi phạm theo quy định tại Điều 17 Quy chế này thì bị xóa tên trên danh sách ghi nhận sử dụng chỉ dẫn địa lý theo khoản 1 Điều 18 Quy chế này.

2. Căn cứ tiến hành xóa tên khỏi danh sách ghi nhận sử dụng chỉ dẫn địa lý:

a) Kết quả kiểm tra, kiểm soát theo quy định tại Quy định Kiểm soát chất lượng và truy xuất nguồn gốc sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý đối với trường hợp thu hồi theo điểm a khoản 1 Điều này;

b) Thông báo chấm dứt sử dụng chỉ dẫn địa lý Quy chế này đối với trường hợp thu hồi theo điểm b khoản 1 Điều này;

c) Văn bản đề nghị của các cá nhân, tổ chức có liên quan đối với trường hợp thu hồi theo các điểm c, d, e khoản 1 Điều này.

3. Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được các văn bản được quy định tại khoản 2 Điều này, Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét ra quyết định xóa tên khỏi danh sách ghi nhận sử dụng chỉ dẫn địa lý đối với tổ chức, cá nhân thuộc diện bị xóa. Trường hợp không có đủ cơ sở để xóa tên, Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho các tổ chức, cá nhân có liên quan .

4. Tổ chức, cá nhân bị xóa tên khỏi danh sách ghi nhận sử dụng chỉ dẫn địa lý sau 02 (hai) năm kể từ ngày bị xóa tên mới được xem xét ghi nhận lại sử dụng chỉ dẫn địa lý. Thủ tục đề nghị ghi nhận lại được tiến hành như ghi nhận lần đầu.

Điều 15. Kiểm soát chỉ dẫn địa lý

1. Nội dung kiểm soát chỉ dẫn địa lý bao gồm:

a) Kiểm soát chất lượng sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý;

b) Kiểm soát về sự tuân thủ hướng dẫn kỹ thuật sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý;

c) Kiểm soát về nguồn gốc sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý;

d) Kiểm soát về chủ thể sử dụng chỉ dẫn địa lý;

đ) Kiểm soát việc sử dụng dấu hiệu chỉ dẫn địa lý.

2. Cơ cấu tổ chức hệ thống kiểm soát chỉ dẫn địa lý được tổ chức thành hai cấp độ như sau:

a) Kiểm soát bên ngoài: là hoạt động kiểm soát của Ban kiểm soát chỉ dẫn địa lý do Sở Nông nghiệp và Môi trường quyết định thành lập bao gồm:

Thành phần bắt buộc

i) Đại diện của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Trong đó, 01 người làm Trưởng ban kiểm soát, 01 người làm thành viên kiêm thư ký Ban kiểm soát;

ii) Đại diện Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương;

iii) Đại diện Ủy ban nhân dân các xã Sính Phình và Sín Chải;

iv) Đại diện các cơ quan, ban, nghành và các chuyên gia có liên quan.

b) Kiểm soát nội bộ: là hoạt động tự kiểm soát của tổ chức, cá nhân đã được ghi nhận sử dụng chỉ dẫn địa lý.

3. Cách thức và quy trình kiểm soát chỉ dẫn địa lý sẽ được quy định chi tiết trong Quy định về kiểm soát việc sử dụng chỉ dẫn địa lý do Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành.

Điều 16. Kinh phí cho hoạt động quản lý chỉ dẫn địa lý

1. Kinh phí quản lý chỉ dẫn địa lý từ các nguồn: Phí thẩm định hồ sơ ghi nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý, phí công bố thông tin ghi nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý, phí cho công tác quản lý chỉ dẫn địa lý do Ủy ban nhân dân huyện dự toán, bố trí từ ngân sách nhà nước hàng năm; các khoản thu hợp pháp khác theo quy định.

2. Mức phí thẩm định hồ sơ ghi nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý, phí công bố thông tin ghi nhận sử dụng chỉ dẫn địa lý sẽ do tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý lấy ý kiến từ các tổ chức, cá nhân trong vùng chỉ dẫn địa lý thống nhất với tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý theo đúng quy định của pháp luật và được công bố công khai.

3. Kinh phí thu được theo khoản 1 Điều này sẽ được sử dụng cho các hoạt động quản lý, sử dụng chỉ dẫn địa lý và phục vụ cho công tác tuyên truyền, quảng bá chỉ dẫn địa lý. Mọi chế độ thu chi được thực hiện theo quy định pháp luật và được công bố công khai.

CHƯƠNG V
XỬ LÝ VI PHẠM VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

Điều 17. Hành vi vi phạm quy chế

Các hành vi sau đây được xác định là hành vi vi phạm Quy chế:

1. Sử dụng chỉ dẫn địa lý khi chưa được ghi nhận sử dụng chỉ dẫn địa lý hoặc đã bị xóa tên khỏi danh sách ghi nhận sử dụng chỉ dẫn địa lý mà chưa được cấp lại.

2. Sử dụng chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Quy chế này.

3. Sử dụng chỉ dẫn địa lý trên sản phẩm, bao bì sản phẩm, phương tiện kinh doanh, phương tiện dịch vụ, giấy tờ giao dịch không đúng theo quy định tại Quy định kiểm soát việc sử dụng chỉ dẫn địa lý do Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành.

4. Các hành vi khác gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng và gây ảnh hưởng xấu, làm tổn hại đến uy tín, danh tiếng của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý;

5. Không tuân thủ các quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ về chỉ dẫn địa lý và Quy chế này.

Điều 18. Hình thức xử lý vi phạm

1. Đối với các tổ chức, cá nhân đã được ghi nhận sử dụng chỉ dẫn địa lý có hành vi vi phạm quy định tại Điều 17 Quy chế này, tuỳ theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý theo một trong các hình thức sau đây:

a) Trường hợp vi phạm lần đầu: Tạm đình chỉ ghi nhận sử dụng chỉ dẫn địa lý với thời hạn từ 06 (sáu) tháng đến 12 (mười hai) tháng kể từ ngày có quyết định xử lý hành vi vi phạm.

b) Trường hợp vi phạm lần thứ hai: Xóa tên khỏi danh sách ghi nhận sử dụng chỉ dẫn địa lý.

2. Đối với các tổ chức, cá nhân chưa được ghi nhận sử dụng chỉ dẫn địa lý có hành vi vi phạm quy định tại Điều 17 Quy chế này sẽ bị nhắc nhở và yêu cầu chấm dứt hành vi vi phạm. Nếu tiếp tục vi phạm sẽ thực hiện các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Điều 19. Nguyên tắc và thẩm quyền xử lý vi phạm

1. Mọi hành vi vi phạm đều phải được xử lý kịp thời, công khai, bình đẳng theo đúng Quy chế này và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Điện Biên là cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 Quy chế này.

3. Bất kỳ tổ chức, cá nhân nào phát hiện hành vi vi phạm đều có quyền đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Điện Biên xử lý vi phạm theo quy định tại Quy chế này và các quy định có liên quan.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm xử lý các hành vi vi phạm Quy chế này và kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại

1. Tổ chức, cá nhân có quyền đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường giải quyết các khiếu nại liên quan đến việc quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý "Tủa Chùa" cho sản phẩm chè Shan tuyết, bao gồm các thông báo ghi nhận hoặc từ chối ghi nhận sử dụng chỉ dẫn địa lý, quyết dịnh tạm đình chỉ việc sử dụng chỉ dẫn địa lý, quyết định xóa tên khỏi danh sách ghi nhận sử dụng chỉ dẫn địa lý.

2. Các khiếu nại liên quan đến việc quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý phải được xem xét, giải quyết trên cơ sở các quy định tại Quy chế này và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Trường hợp vụ việc phức tạp, nội dung vượt quá thẩm quyền giải quyết, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm đề nghị hoặc có văn bản chuyển vụ việc cho cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Sở Nông nghiệp và Môi trường là tổ chức được UBND tỉnh Điện Biên trao quyền quản lý chỉ dẫn địa lý "Tủa Chùa" cho sản phẩm chè Shan tuyết có trách nhiệm:

a) Ban hành Quy chế/quy định quản lý và sử dụng, khai thác chỉ dẫn địa lý "Tủa Chùa" cho sản phẩm chè Shan tuyết;

b) Phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức đào tạo tập huấn và phổ biến các quy định của pháp luật về sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý cho cán bộ quản lý Nhà nước của các cơ quan tham gia trong hệ thống quản lý chỉ dẫn địa lý và các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh chè Shan tuyết trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

c) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công thương, Ủy ban nhân dân các địa phương quản lý chất lượng sản phẩm trong suốt quá trình sản xuất, thu hoạch, bảo quản, vận chuyển, buôn bán đối với sản phẩm chè Shan tuyết mang chỉ dẫn địa lý "Tủa Chùa";

d) Xử lý các hành vi vi phạm quy định tại Quy chế này; xử lý các hành vi xâm phạm quyền đối với chỉ dẫn địa lý "Tủa Chùa" dùng cho sản phẩm chè Shan tuyết theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

e) Định kỳ hai năm một lần báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (Sở Khoa học và Công nghệ) về tình hình quản lý chỉ dẫn địa lý theo quy định tại điểm e, khoản 1 điều 38 *Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.*

2. Sở Khoa học và Công nghệ

Là cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực khoa học và công nghệ nói chung, sở hữu trí tuệ nói riêng trên địa bàn tỉnh Điện Biên, liên quan đến việc kiểm soát bên ngoài đối với chỉ dẫn địa lý, thực hiện các nhiệm vụ:

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan liên quan tổ chức, thực hiện kiểm tra, kiểm soát việc đảm bảo tính đặc thù, vùng trồng sản phẩm chè Shan tuyết mang chỉ dẫn địa lý Tủa Chùa;

b) Quan tâm hỗ trợ ứng dụng khoa học và kỹ thuật mới để các tổ chức, cá nhân trong vùng sản xuất sản phẩm đạt tiêu chí sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý, điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường trong sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ, hướng dẫn xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

3. Sở Công Thương

a) Triển khai các hoạt động khuyến công, hỗ trợ hoạt động giới thiệu, xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm chè Shan tuyết mang Chỉ dẫn địa lý Tủa Chùa;

b) Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, quảng bá; giới thiệu sản phẩm chè Shan tuyết mang Chỉ dẫn địa lý Tủa Chùa ra các thị trường nội địa, thị trường nước ngoài;

c) Phối hợp với các đơn vị chức năng có liên quan thực hiện các hoạt động kiểm tra, kiểm soát hàng hóa lưu thông trên thị trường, xử lý các hành vi sản xuất, kinh doanh sản phẩm cà phê mang chỉ dẫn địa lý Mường Ảng.

4. Ủy ban nhân dân xã Sính Phình, Sín Chải

a) Chủ động tổ chức và phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức hoạt động tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về chỉ dẫn địa lý Tủa Chùa cho sản phẩm chè Shan tuyết;

b) Tuyên truyền, phổ biến và giám sát việc tuân thủ Quy chế quản lý chỉ dẫn địa lý Tủa Chùa cho sản phẩm chè Shan tuyết của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn;

c) Chủ động kiểm tra xử lý xâm phạm quyền đối với chỉ dẫn địa lý Mường Ảng cho sản phẩm cà phê xảy ra trên địa bàn phù hợp với quy định của Luật sở hữu trí tuệ và các quy định khác của pháp luật liên quan;

d) Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, quảng bá; giới thiệu sản phẩm chè Shan tuyết mang chỉ dẫn địa lý Tủa Chùa ra các thị trường nội địa, thị trường nước ngoài.

5. Các cơ quan thực thi quyền sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Điện Biên

Ủy ban nhân dân các xã và các cơ quan liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình chủ động, phối hợp tiến hành kiểm tra, kiểm soát phát hiện và xử lý các hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý "Tủa Chùa" cho sản phẩm chè Shan tuyết theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 22. Khen thưởng, xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc sử dụng, quản lý chỉ dẫn địa lý, nâng cao chất lượng sản phẩm chè Shan tuyết mang chỉ dẫn địa lý "Tủa Chùa", đấu tranh chống các hành vi xâm phạm quyền chỉ dẫn địa lý được Tổ chưc quản lý khen thưởng và đề nghị cơ quan có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi hoặc bao che cho các hành vi vi phạm về chất lượng sản phẩm, xâm phạm danh tiếng chỉ dẫn địa lý thì tùy theo tính chất mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về quản lý, sử dụng chỉ dẫn địa lý, vi phạm về chất lượng sản phẩm hoặc xâm phạm quyền đới với chỉ dẫn địa lý gây thiệt hại cho người tiêu dùng hoặc cho xã hội, làm ảnh hưởng đến danh tiếng, chất lượng và uy tín sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý "Mường Ảng" cho sản phẩm cà phê thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu phát sinh vướng mắc. Tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý sẽ chủ động hoặc theo đề xuất bằng văn bản của tổ chức, cá nhân có liên quan. Ủy ban nhân dân huyện sẽ tiến hành sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp với quy định hiện hành và tình hình thực tế.

2. Mọi sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý lập thành văn bản.

PHỤ LỤC I

Logo/biểu tượng chỉ dẫn địa lý "Tủa Chùa" cho sản phẩm chè Shan tuyết Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên

Phương án logo chuẩn

Tỷ lệ Logo trên ô lưới

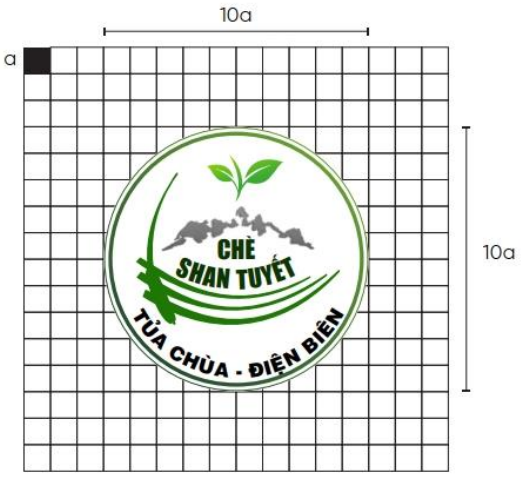

Liên kết thương hiệu và khoảng trống bắt buộc

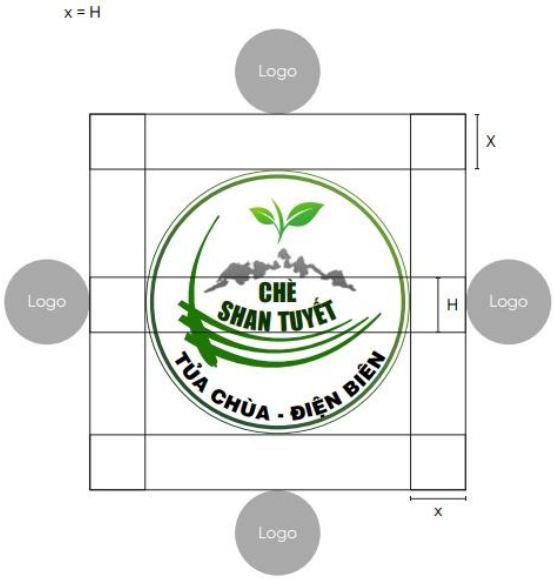

Kích thước tối thiểu

Kích thước tối thiểu của Logo chỉ ra tỷ lệ hình ảnh nhỏ nhất được phép sử dụng để đảm bảo tính rõ ràng, độ sắc nét và khả năng nhận diện.

Màu sắc logo

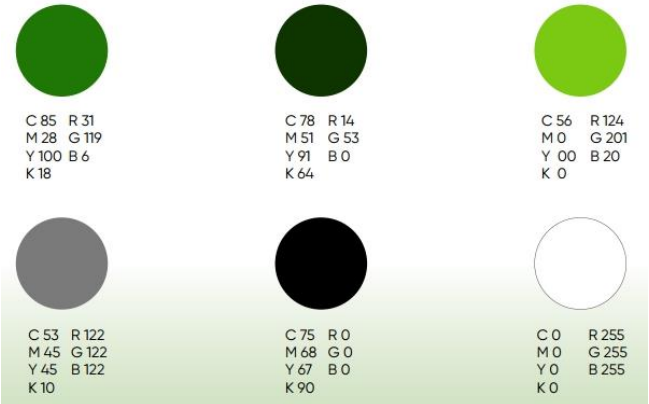

PHỤ LỤC II

BẢN ĐỒ VÙNG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ "TỦA CHÙA" CHO SẢN PHẨM CHÈ SHAN TUYẾT TỦA CHÙA, TỈNH ĐIỆN BIÊN

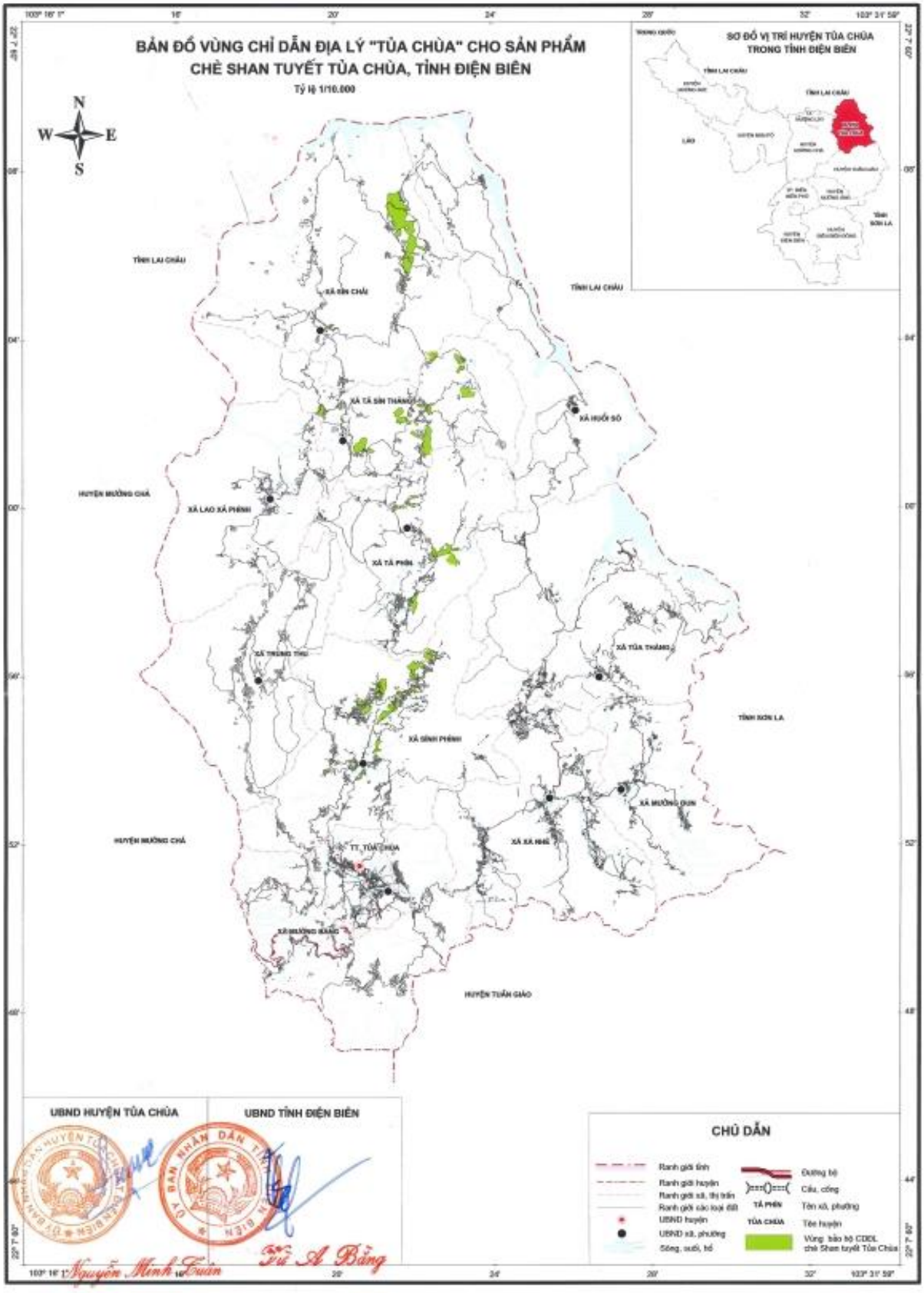

PHỤ LỤC III

Tính chất, chất lượng của sản phẩm chè Shan tuyết Tủa Chùa mang chỉ dẫn địa lý "Tủa Chùa"

Chỉ dẫn địa lý Tủa Chùa cho sản phẩm chè Shan tuyết bao gồm những sản phẩm sau: chè xanh và chè phổ nhĩ sống. Các sản phẩm đảm bảo tính chất chất lượng đặc thù như sau:

1. Chè xanh

a. Cảm quan

- Ngoại hình: Cánh chè chắc, xoăn chặt;
- Màu nước: Trong, xanh vàng, sánh;
- Mùi hương của nước: Thơm nhẹ, tự nhiên;
- Vị nước: Chát dịu, dễ chịu, hậu vị mạnh.

b. Chất lượng

- Hàm lượng tanin từ 36,75 - 41,94%;
- Hàm lượng chất hòa tan từ 45,68 - 56,34%.

2. Chè Phổ nhĩ sống

a. Cảm quan

Chè phổ nhĩ sống Shan tuyết Tủa Chùa: nước có màu nâu đậm, sánh, mùi hương thơm nhẹ, mùi lá xanh tươi và một chút hương vỏ quả tắc, mùi hương gỗ mục nhẹ.

b. Chất lượng

- Hàm lượng tanin từ 29,55 - 36,75%;
- Hàm lượng chất hòa tan từ 45,33 - 51,94%.

PHỤ LỤC IV
Các yêu cầu cơ bản về Quy trình sản xuất chè Shan tuyết Tủa Chùa mang chỉ dẫn địa lý "Tủa Chùa"

1. Chọn đất trồng

Trước khi trồng 02 tháng tiến hành phát dọn thực bì. Tùy theo mức độ che phủ của thảm thực vật và độ dốc địa hình, thực bì được xử lý theo phương thức như sau:

- Đối với những diện tích có thực bì che phủ ≥ 30% hoặc độ dốc ≥ 15^0 : Tiến hành phát thực bì theo băng song song với đường đồng mức (băng phát 50% diện tích lô, băng chừa 50% diện tích lô). Thực bì sau khi phát tiến hành băm thành từng đoạn < 1m và dọn xếp vào băng chừa.

- Đối với những diện tích có thực bì che phủ < 30% và độ dốc < 15^0 : Tiến hành phát trắng toàn bộ thực bì trên diện tích lô. Thực bì sau khi phát tiến hành băm thành từng đoạn < 1m và rải đều ra toàn bộ lô.

2. Thiết kế vườn trồng

Thiết kế nương chè hoàn chỉnh giúp vận chuyển giống, phân bón, sản phẩm thu hoạch dễ dàng, giảm nhẹ cường độ lao động. Thiết kế nương chè hợp lý còn có tác dụng hạn chế quá trình rửa trôi, xói mòn, góp phần bảo vệ đất trồng chè.

- Đối với đồi đủ điều kiện, trồng tập trung thì thiết kế đồi nương chè, gồm:

+ Thiết kế lô, hàng chè;

+ Thiết kế đường xá (đường trục, đường liên đồi, đường lên đồi, đường lô);

+ Trồng cây phân xanh, cây che bóng và cây chắn gió;

+ Thiết kế hệ thống khác.

- Đối với nơi không đủ điều kiện có địa hình dốc, chè phải trồng nhỏ lẻ, phân tán trên sườn đồi, núi thì không cần thiết kế hoàn chỉnh, chỉ cần thiết kế đường lô kiểu bậc thang theo đường đồng mức để thuận tiện đi lại và chăm sóc.

2.1. Thiết kế lô, hàng chè

Lô chè là đơn vị diện tích nhỏ trên đồi chè, có đường ra vào lô. Nếu đồi chè có độ dốc từ 15-35^o thì diện tích mỗi lô khoảng 2.000 - 4.000m2 . Nếu độ dốc thấp có thể để diện tích mỗi lô 5.000-7.000 m2 . Không nên để lô quá to, bất tiện trong chăm sóc, nhưng nếu lô quá nhỏ sẽ gây lãng phí đất để làm đường đi.

Hàng chè có ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất và tuổi thọ của nương chè, phương pháp bố trí hàng chè tùy thuộc vào độ dốc của đồi. Muốn trồng chè phải

làm bậc thang theo đường bình độ, sau đó mới đào hố hình vuông (35 cm x 35 cm), sâu 40 cm, dùng thước chữ A để xác định đường đồng mức trên đồi chè (hình 1).

Nương chè bố trí tạo bậc thang theo đường đồng mức; bên tà li dương để đường đi lại chăm sóc, thu hái, hàng chè trồng ra mép ngoài tà li âm.

2.2. Thiết kế đường

Đường trục chính: Là đường nối liền các khu chè với nhau, bề rộng mặt đường 3-4 m, đảm bảo xe cơ giới đi lại được. Bên tà li âm đường trồng cây xanh và có hệ thống rãnh thoát nước.

Đường liên đồi: Nối đường trục với các đồi hoặc các đồi chè với nhau để đi lại và vận chuyển. Bề rộng mặt đường 2-2,5 m. Mép ngoài trồng cây.

Đường lên đồi: Là đường nối đường liên đồi với đỉnh và đường vành đồi, bề rộng mặt đường 2,5-3 m.

Đường vành đồi: Đường vành chân đồi và cách 30-50 m theo sườn đồi có một đường. Bề rộng mặt đường từ 2,5-3 m. Mép ngoài trồng cây thưa.

Đường lô: Đường cắt ngang (đồi phẳng) hay cắt chéo hàng chè (đồi dốc). Cách 50-100 m nên có một đường để tiện đi lại. Bề rộng mặt đường 2-2,5 m. Sửa theo mặt đất tự nhiên, không có rãnh thoát nước (hình 2).

Đường chăm sóc: Trong lô chè, cách nhau 50 - 70 m, cắt ngang hay chéo hàng chè, mặt đường rộng: 1,2 - 1,3 m, độ dốc mặt đường: 10 - 11^0 , theo mặt đất tự nhiên, không có rãnh thoát nước.

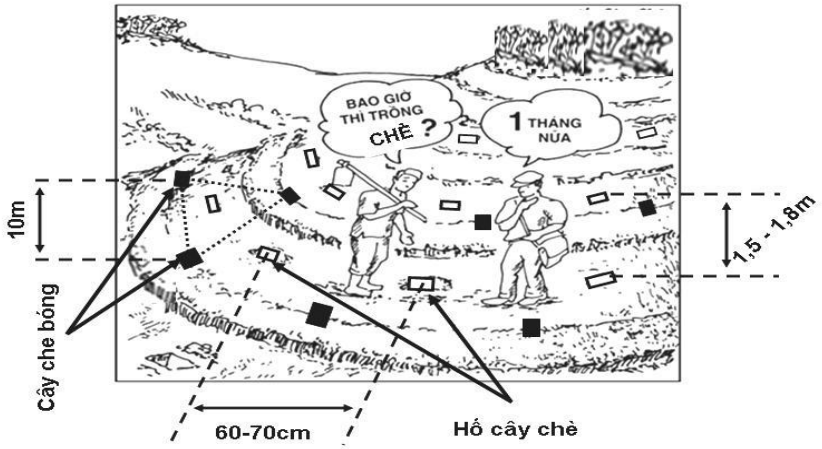

Hình 1: Cách thiết kế băng chè theo đường đồng mức

Hình 2 : Thiết kế hệ thống đường xá

3. Tiêu chuẩn cây giống

Sử dụng cây giống được sản xuất từ vật liệu nhân giống lấy từ cây giống chè Shan đảm bảo nguồn gốc theo quy định, trồng bằng cây con có bầu. Cây giống phải khỏe mạnh, sinh trưởng phát triển tốt, lá màu xanh sáng, thân cây thẳng cứng cáp, không bị sâu bệnh; chiều cao vút ngon từ 40 cm trở lên, đường kính thân từ 0,5 cm trở lên và có từ 10 lá thật trở lên, mức hóa nâu thân cây từ 50% trở lên, không bị tổn thương cơ giới; cây phải được ngắt bỏ hết nụ hoa.

4. Kỹ thuật trồng chè Shan

a) Mật độ, khoảng cách: Mật độ trồng 8.000 cây/ha.

b) Thời vụ trồng: Bắt đầu mùa mưa và thời gian kết thúc trồng trong tháng 7, tháng 8 tùy tình hình thời tiết hàng năm để thực hiện trồng cho phù hợp.

c) Cách trồng: Trồng vào những ngày mát trời, mưa nhỏ hoặc nắng nhẹ; Dùng cuốc khơi rộng lòng hố vừa đủ đặt bầu, chiều sâu hơn chiều cao của bầu từ 1 - 2 cm, dung kéo hoặc dao lam xé bỏ vỏ bầu, tránh không để vỡ bầu và đặt cây con ngay ngắn thẳng đứng vào giữa hố. Dùng đất tơi xốp lấp đầy hố cao bằng cổ rễ cây, nén chặt đất xung quanh bầu. Vun đất thành hình mui rùa, cao hơn mặt đất tự nhiên 4 - 5 cm để tránh đọng nước vào gốc cây khi trời mưa.

d) Làm đất

Phát dọn theo băng trồng chè, để lại cây gỗ bụi nhỏ để làm cây che bóng. Nơi có độ dốc tạo bậc thang rộng 0,5-0,7 m, có độ dốc nghiêng vào trong sau đó mới đào hố gần ra mép ngoài, phía bên trong chừa lại để làm đường đi chăm sóc, thu hái chè, đồng thời đảm bảo tính chất bền vững cho nương chè (hình 3). Chuẩn bị đất và cuốc hố trồng trước khi trồng chè 2-3 tháng. Hố có kích thước sâu 40 cm, dài 35 cm, rộng 35 cm. Lớp đất mặt để riêng, lớp đất dưới để riêng. Trước khi trồng dùng xẻng, mai sửa lại hố, để đảm bảo kích thước, lấp lớp đất mặt trộn với phân bón lót xuống đáy hố, khoảng 20 cm (hình 4). Chuẩn bị hố trồng cây che

bóng kích thước hố sâu 50 cm, rộng 50 cm, dài 50 cm. Lớp đất mặt để riêng, lớp đất dưới để riêng. Trước khi trồng cần xăm xỉa thành và đáy hố, lấp lớp đất mặt trộn với phân bón lót xuống đáy hố, khoảng 25-30 cm (hình 5).

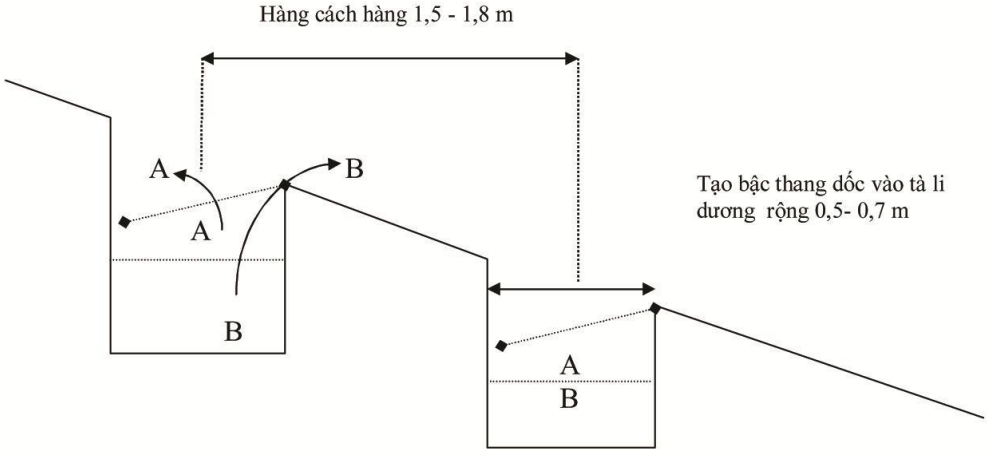

Hình 3: Kỹ thuật thiết kế nương chè

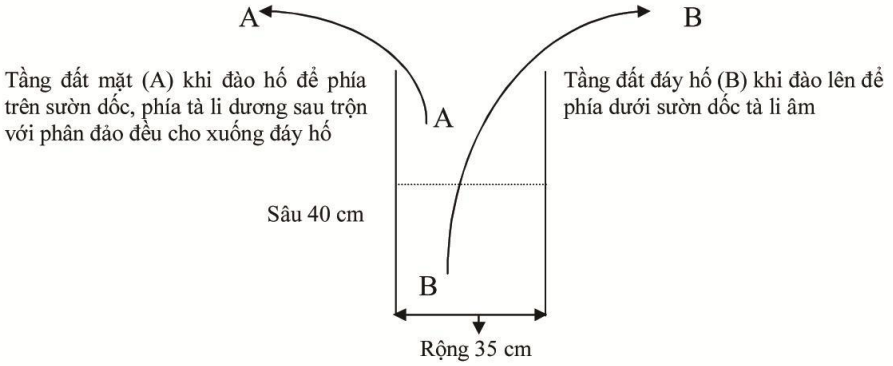

Hình 4: Kỹ thuật đào hố trồng chè

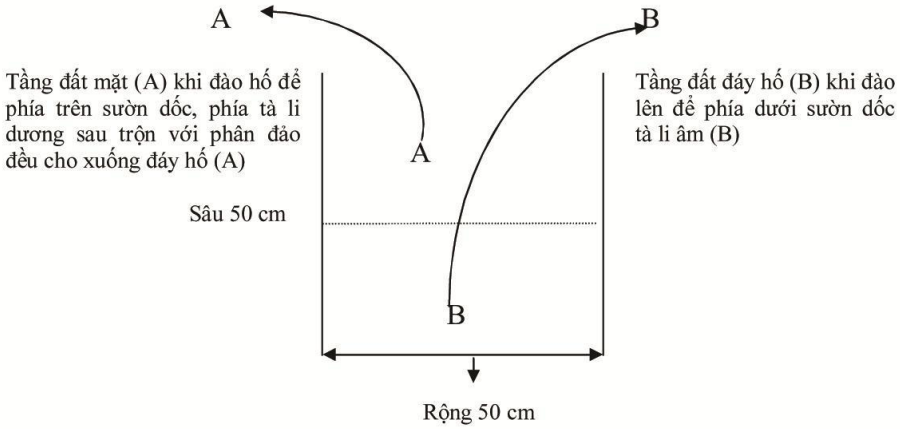

Hình 5: Kỹ thuật đào hố trồng cây che bóng

e) Trồng cây che bóng

Nơi nào nương chè đã có cây che bóng tự nhiên khi khai hoang để mật độ khoảng 125 cây/ha, khoảng cách 8 m x 10 m. Nơi không có cây che bóng tự nhiên thì trồng cây sơn tra, đào hoặc cây mắc cọoc với mật độ trồng khoảng 179 cây/ha, khoảng cách 7 m x 8 m. Qui cách đào hố hình vuông (50 cm x 50 cm), sâu 50 cm.

f) Cây chắn gió: Trồng theo dọc đường đi phía ngoài vườn để tăng thêm thu nhập, như: cây ăn quả, cây lâm nghiệp; tạo tiểu khí hậu mát mẻ, phù hợp với sinh trưởng phát triển chè tuyết Shan.

g) Kỹ thuật trồng

- Mật độ, khoảng cách: Mật độ trồng 8.000 cây/ha.

- Cách trồng: Trồng vào những ngày mát trời, mưa nhỏ hoặc nắng nhẹ; Dùng cuốc khơi rộng lòng hố vừa đủ đặt bầu, chiều sâu hơn chiều cao của bầu từ 1 - 2 cm, dung kéo hoặc dao lam xé bỏ vỏ bầu, tránh không để vỡ bầu và đặt cây con ngay ngắn thẳng đứng vào giữa hố. Dùng đất tơi xốp lấp đầy hố cao bằng cổ rễ cây, nén chặt đất xung quanh bầu. Vun đất thành hình mui rùa, cao hơn mặt đất tự nhiên 4 - 5 cm để tránh đọng nước vào gốc cây khi trời mưa.

5. Kỹ thuật chăm sóc

a) Dặm cây con

Trồng dặm chè bằng cây con cùng tuổi ươm trong bầu PE, dặm ngay từ năm thứ nhất và năm thứ 2. Trồng dặm chè vào đầu mùa mưa, tháng 4 đến tháng 6. Mỗi hố cần bón thêm 1kg phân hữu cơ và 0,2 kg phân vi sinh.

b) Trồng xen

Trong giai đoạn cây nhỏ từ lúc mới trồng đến năm thứ tư có thể trồng xen các loại cây như đậu, đỗ vào các khoảng trống giữa hai hàng chè để cải tạo đất, chống cỏ dại và giữ ẩm cho đất.

c) Làm cỏ tủ gốc giữ ẩm

Làm sạch cỏ xung quanh gốc chè kết hợp xới phá váng tủ gốc giữ ẩm cho chè bằng cỏ rác, cây phân xanh. Tiến hành 3 đợt/năm, vào các tháng 3-4 tháng 7-8 và tháng 11-12 kết hợp chống rét và sương muối. Để tăng thêm thu nhập và hạn chế cỏ trên nương chè, giữ ẩm, cải tạo đất chống xói mòn tiến hành trồng xen cây họ đậu (đậu tương, đậu xanh…) vào giữa hai hàng chè. Sử dụng thuốc hóa học và phân vô cơ hợp lý và khi cần thiết vào thời kỳ kinh doanh tạo sản phẩm chè sạch, chỉ dùng phân vô cơ khi chè còn nhỏ, thời kì KTCB.

6. Thu hái và bảo quản

a) Thu hái chè Shan

Tiêu chuẩn búp khi hái: 1 tôm + 2 -3 lá non.

- Thời vụ hái chè:

+ Vụ xuân: Hái vào tháng 3 - 4 .

+ Vụ hè thu: Hái từ tháng 5 - 10 .

+ Cuối vụ: Tháng 11, 12 hái tận thu.

b) Bảo quản chè Shan

- Không làm dập búp chè trong quá trinh vận chuyển. Chú ý che mưa, nắng cho búp chè.

- Búp chè tươi khi thu hái về phải được rải mỏng ở nơi thoáng mát sạch sẽ, không được lèn chặt hoặc đắp thành đống.

- Nếu phải chờ chế biến, cần bảo quản búp chè. Không để chè ôi thiu và mất chất, không để búp chè sau khi thu hái quá 6 tiếng trước khi chế biến. Trong lúc chờ, rải chè đều (dày 20-30cm) trên nền gạch hoặc xi măng sạch và thoáng mát, cách 2-3 giờ đảo một lần.

7. Quy trình chế biến chè Shan tuyết Tủa Chùa

a) Quy trình chế biến chè xanh

- Sao héo chè shan tuyết: Do đặc thù vùng nguyên liệu ở xa và hay có sương ẩm vào sáng sớm nên đầu tiên sau khi thu hái về búp chè shan tuyết sẽ được rũ tơi, quạt khô, đảm bảo nguyên liệu không bị nóng hay ướt. Sau đó búp chè shan tuyết sẽ được sao héo trong ống sào ở nhiệt độ cao, quy trình làm bay hơi đi một phần nước và mùi hăng ngái của nguyên liệu, bước đầu tạo mùi thơm cho chè shan tuyết, đòi hỏi kỹ thuật phải có kinh nghiệm điều chỉnh nhiệt độ, thời điểm ra chè, kết thúc quá trình sao nguyên liệu phải mềm, thơm dịu, giữ được mầu xanh tái, không bị cháy khét. Chè shan tuyết thường được sao héo bằng ống sao ga, hoặc củi.

+ Ống sao chè có hình trụ, bên trong có gờ xoắn thông hai đầu để diệt men. Nhiệt độ sao chè > 200^0C, thời gian sao từ 5 – 10 phút.

- Vò chè shan tuyết: Tiếp sau đó búp chè shan tuyết sẽ được quạt nguội và cho vào cối vò để vò, quá trình vò sẽ làm dập tế bào của lá làm dịch chè shan tuyết thoát ra bề mặt để sau khi sao sẽ làm cho cánh chè shan tuyết bóng hơn và sau khi pha nước, dịch chè shan tuyết chuyển vào nước pha dễ dàng hơn. Vò làm cho cánh chè shan tuyết xoăn chặt và giảm thể tích, tăng độ thẩm mỹ cho cánh chè. Quá trình này phụ thuộc vào cối vò, kỹ thuật chỉ cần chọn thời điểm ra chè hợp lý.

+ Dùng quạt công nghiệp làm nguội chè sau khi diệt men. Quá trình làm nguội từ 15 – 20 phút tùy theo khối lượng chè.

+ Máy vò chè có bàn ép phía trên thừng để điều chỉnh lực ép giúp chè vò xoăn chặt. Chỉ nên sử dụng 50-80% công suất máy/mẻ để chè được vò đều. Trong quá trình vò, đậy nắp hờ để chè không tung ra ngoài, không nên nén chặt làm vỡ búp chè, tạo nhiều vụn, cám. Số lần vò: 2 lần/mẻ, thời gian 25-30 phút/lần vò. Yêu cầu sản phẩm cuối giai đoạn là độ dập của lá chè đạt khoảng 45%.

- ***Sao khô chè shan tuyết:*** **Q**uá trình sao khô trải qua 4 giai đoạn với mục đích sử dụng nhiệt độ cao để làm bay đi một phần ẩm, từ đó thuận lợi cho việc bảo quản, cố định ngoại hình và nhằm phát huy hương thơm của chè.

+ Giai đoạn 1: chè được cho vào ống sào sao ở nhiệt độ 130-150^{0}C trong thời gian 6-10 phút, độ ẩm còn lại là 40-60%.

- Giai đoạn 2: sao khô ở nhiệt độ 120-140^{0}C, thời gian 6-12 phút, độ ẩm còn lại 30-35%.

+ Giai đoạn 3: Sao ở nhiệt độ 110-115^{0}C, thời gian 20-25 phút, độ ẩm còn lại 20%, lúc này cánh chè xoăn chặt, có màu xanh xám và dần dần nổi tuyết.

+ Giai đoạn 4: Sao ở nhiệt độ 60-80^{0}C, thời gian 40-50 phút, độ ẩm của chè 8%, lúc này cánh chè nhẵn bóng có màu đen nổi tuyết trắng phau.

Trong cả 4 giai đoạn, người làm chè luôn theo sát để kiểm soát nhiệt độ và độ nóng của cánh chè, điều chỉnh nhiệt và ra vào chè sao cho hợp lý. Quá trình này cần kỹ thuật, sự kiên trì và sát sao của người sản xuất, nếu cao nhiệt chè có thể bén nhiệt dẫn đến cháy, khê, nếu chè thiếu nhiệt sẽ đỏ nước, vị nồng.

- ***Lấy hương chè shan tuyết (Đánh mốc chè):*** Quá trình tiếp theo là lấy hương hay còn gọi là đánh mốc cho chè shan tuyết. Chè shan tuyết sẽ được sao nóng ở nhiệt độ từ 50 – 70^{0}C trong khoảng từ 20-30 phút, thành phẩm là những mẻ chè shan tuyết thơm nức mùi ngô non, cánh chè shan tuyết thành phẩm bóng và có màu bạc. **Chè Shan tuyết Tủa Chùa** vốn vượt trội với mùi thơm cốm ngậy nên đây cũng là quá trình quan trọng bậc nhất của quá trình sản xuất, đòi hỏi kinh nghiệm lâu năm, khứu giác nhạy bén và có lòng tâm huyết sâu đậm với chè shan tuyết để cảm nhận và thực hiện chuẩn quá trình lấy hương.

- Bảo quản chè xanh thành phẩm: Chè sau khi được hấp hương tiến hành phân loại và đóng gói. Chè được bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát để tránh hút ẩm, hấp thụ hơi nước làm ảnh hưởng tới chất lượng chè.

b) Quy trình chế biến chè Phổ nhĩ sống

- *Làm héo sơ bộ:* Tiến hành rải chè trên nền nhà hoặc nong nia với chiều dày từ 5- 7 cm, thời gian làm héo sơ bộ khoảng 4 giờ, lá chè bắt đầu hơi héo là được.

- *Diệt men:* Chè tươi đưa vào diệt men trong máy hoặc thùng quay, nhiệt độ diệt men là 250 – 300^{0}C, thời gian diệt men từ 6 – 7 phút. Lượng chè cho vào diệt men tuỳ thuộc vào công suất của từng loại máy, đối với thùng quay lượng chè cho vào từ 3 – 4 kg một mẻ. Chè sau khi diệt men trở nên mềm dẻo ngả màu xanh Ô liu.

- *Vò chè:* Chè được diệt men cho vào máy vò chuyên dùng, lá trà được vò để lớp biểu cũng như hệ thống tế bào của lá trà bị phá vỡ. Nhờ vậy giúp giải thoát các thành phần hương vị của lá trà. Chưa kể vò còn giúp cho chất trà sau khi thành phẩm sẽ dễ tiếp xúc với không khí hơn. Nên khi trữ lâu năm hay ủ lên men thì chất trà cũng sẽ dễ chuyển hoá hơn. Thời gian vò là 10 phút, độ dập tế bào khoảng 15 – 20%.

- *Làm khô:* Sau khi vò đưa đi phơi nắng đến khô thuỷ phần còn lại khoảng 12%, nếu trời không nắng thì đem sấy khô trong máy chuyên dùng ở nhiệt độ từ 100 – 105^0C thời gian từ 20 – 25 phút

Làm khô tự nhiên: Sau khi ủ đống và làm tơi cần rải chè ra nền nhà với chiều dày khoảng 20 cm, mỗi ngày phải đảo trộn một lần để chè nhanh thoát ẩm. Làm khô tự nhiên ở nhiệt độ không khí cho đến khi thuỷ phần còn lại khoảng 12%, cho chè vào bao PE để bảo quản và ép bánh.

- *Ép bánh:* Dùng máy ép thuỷ lực 150 kg/cm2 hoặc ép bằng trục vít để ép chè, lượng chè tuỳ thuộc vào khuôn ép từ 0,5 đến 5 kg/1 bánh. Cho chè vào khuôn ép lớp dưới là chè non, lớp giữa là chè hơi già, lớp trên là chè non theo tỷ lệ 50: 50. Cho hấp lượng chè cần ép bằng hơi nước sôi, hoặc phun hơi nước nóng có áp suất 2- 3 at trong thời gian 1 phút để làm chè mềm và dẻo. Tiến hành ép chậm đến độ dày định trước, để yên từ 5 – 10 phút cho định hình bánh chè. Sau khi ép xong cho bánh chè tụt xuống phía dưới khuôn ép và lấy ra ngoài.

- *Sấy chè bánh Phổ nhĩ:* Chè bánh vừa ép có độ ẩm khoảng 15% cần sấy khô để bảo quản lâu dài. Sấy chè trong máy sấy khay ở nhiệt 50 – 60^0C trong thời gian 2 – 3 ngày, để bánh chè đạt độ ẩm 11 – 12%.

- *Đóng gói và bảo quản:* Chè bánh sau khi sấy xong đóng gói trong bao bì kín, chống ẩm có thể bảo quản lâu dài từ 5 – 10 năm không hỏng.